TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 733/2024/HC-PT
Ngày 15-7-2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2058/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1971. Cư trú tại: Số E, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trịnh Hoàng K, Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số D, đường T, A, quận N, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

2. Ủy ban nhân dân thành phố C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hoài P – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Bùi Tứ H1 – Phó Chủ tịch UBND thành phố C; (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số G, đường N, Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố C:

1. Ông Lê Quốc T, năm sinh: 1977 – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C; (có mặt).

2. Ông Đặng Minh V – Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH T5.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc Công ty; (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số E, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh tỉnh C.

Người được Ngân hàng uỷ quyền: bà Nguyễn Thị Kim T2 - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Chitỉnh Cà Mau; (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơnkhởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Phan Văn H trình bày:

Ông là chủ sử dụng đối với phần đất tại các thửa số: 194, 195, 186, tờ bản đồ 16; tổng diện tích 804,2m^2 đất thổ cư, lập vườn và trồng lúa được cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/3/2023, ông được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C mời đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để triển khai Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 do Chủ tịch UBND thành phố C ký ban hành. Quyết định 103/QĐ-UBND thể hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của ông với diện tích 476,3m^2. Ngày 10/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố C photo cung cấp cho ông hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình thu hồi đất của ông, ông phát hiện ra Quyết định số 300/QĐ-UBND đề ngày 28/8/2020 về việc thu hồi đất của ông. Ông không đồng ý với Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc thu hồi đất của ông Phan Văn H và Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất của Phan Văn H, phần đất tại xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nay ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc thu hồi đất của ông Phan Văn H (Viết tắt Quyết định số 300) và Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất của Phan Văn H (Viết tắt Quyết định số 103).

Theo Vănbản ý kiến số 2525/UBND-GPMB ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

Dự án Điều chỉnh Khu dân cư T, ấp B, xã L, thành phố C được Chủ tịch UBND tỉnh C phê duyệt tại Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 22/01/2020. Vị trí xây dựng: ấp Bà Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, ảnh hưởng đến 08 hộ dân và 01 tổ chức với tổng diện tích đất thu hồi: 17.340,8m², trong đó có trường hợp ông Phan Văn H.

Theo hồ sơ thực hiện công tác thu hồi đất ông Phan Văn H có 02 thửa đất ảnh hưởng Dự Trên cơ sở hồ sơ được lập, UBND thành phố đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 đối với ông Phan Văn H, đồng thời quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án là 1.632.931.725 đồng và Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về việc phê duyệt phương án (bổ sung lần 2) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án là 35.649.600 đồng. Tổng số tiền tại 02 quyết định là 1.668.581.325 đồng. Thực hiện theo quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án được ban hành, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Sau quá trình vận động, thuyết phục nhưng hộ ông Phan Văn H không đồng ý bàn giao đất theo quyết định thu hồi, Hội đồng bồi thường đã báo cáo đề nghị ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với trường hợp ông Phan Văn H. Đến ngày 24/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND và việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phan Văn H.

Qua rà soát quá trình thực hiện công tác thu hồi đất cho thấy việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phan Văn H là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đất đai 2013, Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6. Quá trình giải quyết ông Bùi Tứ H1 có đơn yêu cầu đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với Quyết định số 300 do quyếtđịnh này đã hết thời hiệu.

Ngân hàng Thươngcổ phần Sài Gòn T:

Tính đến ngày 11/5/2023 ôngVăn Hiền và bà Phương Thị D nợ Ngân hàng tổng số lãi và gốc là 7.737.643.003 đồng. Ông H và bà D có ký nhiều hợp đồng thế chấp quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất trong đó có G quyền sử dụng đất số AO962845 và AM413690. Nay một phần thửa đất ông H, bà D thế chấp vay vốn tại Ngân hàng có Quyếtcưỡng chế thu hồi đất, ông H đang khởi kiện. Nay yêu cầu buộc ông H và bà D giảm vốn vay Ngân hàng tương ứng với phần tài sản bị cưỡng chế thu hồi. Tại đơn xin vắng mặt ngày 28/9/2023 của Ngân hàng thể hiện lý do xin vắng là đã thỏa thuận được phương án giải quyết với ông H.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T5: có đơn xin vắng mặt nêu không trình bày ý kiến cũng như không có hồ sơ gì để bổ sung (BL 183).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc: Hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất của ông Phan Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/10/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn H là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn H là người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Trịnh Hoàng K là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Theo văn bản tường trình ngày 04/7/2024 của ông H đã nêu rõ Quyết định 522 ngày 29/3/2019 là dự án thu hồi đất theo Điều 73 Luật đất đai năm 2013 nên phải thỏa thuận với dân, căn cứ theo Biên bản làm việc với ông Lâm Văn K1 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Thông báo chưa thu hồi đất số 145 ngày 08/7/2024 cho thấy dự án này thực hiện giao cho tư nhân kinh doanh bất động sản, lấy tiền của doanh nghiệp chi trả bồi thường không đúng pháp luật. Công ty phát triển nhà trước đây được giao dự án nhưng bán đất cho Công ty T5 đang bị khởi tố, ông H có đất trong dự án này và bị giao đất cho Công ty T5 không đúng pháp luật, Công ty T5 có nhiều lần trao đổi thỏa thuận chứng tỏ Ủy ban nhân dân thành phố C vừa thu hồi đất theo Điều 62 vừa theo Điều 73 Luật đất đai, việc thu hồi đất phải hoàn thành mới giao cho đoanh nghiệp nhưng làm không đúng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định đúng thẩm quyền khi thu hồi giao cho Công ty T5. Hiện nay đang diễn ra thực trạng Công ty T5 hoán đổi đất nền cho người có đất thu hồi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét dự án này phải thỏa thuận giá bồi thường theo Điều 73 Luật Đất đai nên kháng cáo của ông H là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Đề nghị Ủy ban làm rõ quy định nào của pháp luật cho phép Ủy ban sử dụng tiền của Doanh nghiệp chi trả cho dân và cùng lúc vừa hoán đổi đất, vừa ứng tiền bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

- Ông Đặng Minh V: Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố C xác định quy trình thu hồi, bồi thường đối với dự án này đảm bảo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, hiện nay chỉ có hộ ông Lâm Long T3 thỏa thuận hoán đổi đất không nhận tiền. Kháng cáo của ông H không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

- Ông Lê Phước T4: Quyết định 522 của Ủy ban là dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương, dự án này có 2 giai đoạn, giai đoạn 1 do Công ty P2 làm chủ đầu tư do đơn vị này không đảm bảo năng lực thực hiện nên giai đoạn 2 giao

cho Công ty T5 làm chủ đầu tư, đây là dự án kết nối với 3 dự án khác. Dự án này thu hồi theo khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013, tỉnh kêu gọi đầu tư, quá trình thực hiện chủ đầu tư có thỏa thuận với dân để đẩy nhanh tiến độ của dự án do chủ đầu tư vận dụng. Việc thu hồi đất, bồi thường theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh B, việc chủ đầu tư ứng tiền chi trả đền bù không sai, người bảo vệ cho ông H cho rằng phải thỏa thuận giá bồi thường theo Điều 73 Luật đất đai là không đúng, ông H có 476m^2 đất bị thu hồi thì được nhận đất nền bố trí đất ở trong dự án bằng 10% diện tích thu hồi, việc hoán đổi đất Ủy ban không có can thiệp, vận dụng do chủ đầu tư, đồng thời nếu chủ đầu tư chưa hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước thì không được cấp quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố C khẳng định Dự án này do Nhà nước thu hồi đất và không có việc vừa hoán đổi đất vừa thực hiện chi trả đền bù.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Dự án khu dân cư Thạnh Phú được Ủy ban nhân dân thành phố C thực hiện theo khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất và doanh nghiệp có quyền ứng tiền để chi trả khi thu hồi đất. Về đơn giá bồi thường được áp dụng đúng Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phù hợp theo quy định của pháp luật, do ông H không tự nguyện giao đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định cưỡng chế là có căn cứ, đúng trình tự luật định, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các đương sự được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt, đối với Chủ tịch UBND Thành phố C vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C về thu hồi quyền sử dụng đất, Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phan Văn H. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ngày 06/3/2023, ông Phan Văn H khởi kiện Quyết định số 103 và ngày 24/4/2003, khởi kiện bổ

sung yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 300 nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý, xét xử và xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và việc ông H khởi kiện đối với Quyết định số 103 trong thời hạn khởi kiện và quyết định số 300 khởi kiện khi hết thời hiệu nhưng đây là quyết định hành chính có liên quan cần phải được xem xét giải quyết theo Án lệ số 63 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Phan Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất được ban hành đúng theo quy định tại Điều 22, khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 843932 cấp ngày 16/12/2016 thể hiện ông Phan Văn H được cấp Thửa đất số 194, 195, 186, Tờ bản đồ số 16, diện tích 804,2 m^2. Tại Biên bản về việc đo đạc, kiểm đếm xác định diện tích đất thiệt hại ngày 29/4/2019, có ông Phan Văn H ký tên xác nhận trong biên bản (BL 131,132), thể hiện diện tích thiệt hại là 476,3 m^2 đất trồng lúa, trong đó thửa số 4 tờ bản đố số 01 diện tích 250,6m^2 đất trồng lúa tiếp giáp đường N và thửa số 10 tờ bản đồ số 01 diện tích 225,7m^2 không tiếp giáp đường.

[3.3] Dự án điều chỉnh Khu dân cư T, xã L, thành phố C thuộc dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh C chấp thuận tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 tiểu mục 7 Mục II phần II của Danh mục dự án thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai thì Dự án này thuộc trường hợp Nhà nước phải thu hồi đất, ông H cho rằng Dự án này thuộc trường hợp kinh doanh bất động sản theo Điều 73 Luật đất đai là không có căn cứ. Ngày 06/6/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư Thạnh phú, ngày 28/8/2020, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 300/QD-UBND về việc thu hồi đất của ông H sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh C, Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành nghị quyết và phê duyệt dự án, chủ đầu tư là Công ty T5 nên ông H cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi đất, giao đất không đúng thẩm quyền là không có căn cứ.

[3.4] Việc bồi thường được thực hiện bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án điều chỉnh Khu dân cư Thạnh P1 và giao cho Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án điều chỉnh Khu dân cư T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quyết định số 3427 đã áp

giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho ông Phan Văn H trên cơ sở giá đất cụ thể và Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, là đúng quy định của pháp luật, việc ông Phan Văn H yêu cầu được bồi thường về đất theo giá thị trường, phải thỏa thuận giá là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.5] Như đã phân tích trên, việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông Phan Văn H đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 103 cưỡng chế thu hồi đất do ông H không tự nguyện giao đất khi Ủy ban nhân dân thành phố C đã áp dụng đầy đủ các bước vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định 103 cưỡng chế thu hồi đất là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ các phân tích trên và nội dung kháng cáo của ông Phan Văn H nhưng không có chứng cứ nào mới, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Ông Phan Văn H kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Cụ thể tuyên:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 và các Điều 116, 157; điểm a khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tố tụng hành chính; Điều 22; khoản 2 Điều 66; Điều 71 Luật Đất đai; Án lệ số 63/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườngvụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc: Hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành

phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất của ông Phan Văn H.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Phan Văn H phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000400 ngày 26/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau là đủ.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (18b-TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh